

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔ LƯƠNG**

Số: 201 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đô Lương, ngày 04 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn xã Đô Lương

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Báo cáo khái quát đặc điểm tình hình của địa phương (về quy mô, đặc thù địa bàn, số lượng thôn, tổ dân phố sau sắp xếp, điều kiện kinh tế – xã hội, các yếu tố đặc thù ảnh hưởng đến việc tổ chức và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp).

Xã Đô Lương là xã đồng bằng, được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ 8 xã và 01 thị trấn của huyện Đô Lương (cũ) gồm: xã Nam Sơn, xã Bắc Sơn, xã Lưu Sơn, xã Đặng Sơn, xã Đà Sơn, xã Yên Sơn, xã Văn Sơn, xã Thịnh Sơn và Thị trấn Đô Lương (Theo Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An). Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, xã Đô Lương có tổng diện tích tự nhiên là 50,06 km², dân số 61.976 người với 49 xóm.

Xã Đô Lương nằm ở vị trí trung tâm, là nơi giao thoa của các tuyến quốc lộ: Quốc lộ 7A, Quốc lộ 15, Quốc lộ 46, là nơi kết nối với các vùng lân cận; trên địa bàn có Trung tâm thương mại Hải An, Khu đô thị Vườn Xanh, Khu đô thị Central park tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; dân số đông, phân bố tập trung, trong đó có 2.607 người theo tôn giáo, 285 người là dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn của xã. Ngay sau khi thành lập, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân xã Đô Lương đã chủ động khắc phục khó khăn, từng bước ổn định tổ chức bộ máy, kiện toàn hệ thống chính trị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ổn định, năm 2025, xã Đô Lương được UBND tỉnh Nghệ An xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cụ thể:

- Về kinh tế: Kinh tế phát triển theo hướng bền vững, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của xã. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng; giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ. Tỷ lệ công nghiệp xây dựng là 41,9 %; Tỷ lệ Thương mại, dịch vụ là 46,59 %, tỷ lệ nông, lâm, ngư nghiệp là 11,51%.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 11,01%; thu ngân sách đạt 129.993.125.307 đồng đạt 267,6% dự toán pháp lệnh và dự toán HĐND xã. Trong đó: Thu tiền sử

dụng đất 120.360.873.563 đồng đạt 367,74 %; thu các sắc thuế đạt 9.457.708.744 đồng đạt 203,71 % so với tổng thu ngân sách xã. Thu nhập bình quân đầu người đạt 91,2 triệu đồng/ người/ năm.

- Về Văn hoá, giáo dục, y tế, du lịch: Làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật Nhà nước, các hoạt động nhân các ngày lễ lớn; các sự kiện trọng đại của đất nước; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao sôi nổi và thiết thực; làm tốt công tác an sinh xã hội, người có công trên địa bàn xã. Trên địa bàn xã có nhiều di tích lịch sử cấp tỉnh, cấp quốc gia, đặc biệt có đình Lương Sơn được Thủ tướng Chính phủ công nhận là di tích lịch sử quốc gia đặc biệt. Lĩnh vực giáo dục của xã được xếp hạng cao trong toàn tỉnh, các cuộc thi do sở giáo dục và đào tạo, cấp trên tổ chức luôn được xã tham gia đạt kết quả cao. Đô Lương luôn phấn đấu giữ vững lá cờ đầu của tỉnh trong lĩnh vực giáo dục. Đối với lĩnh vực y tế, xã tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế, thu hút các cơ phòng khám, bệnh viện tư nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân. Đặc biệt xã đang tập trung đầu tư xây dựng dự án nâng cấp bệnh viện Đô Lương để đưa bệnh viện Đô Lương trở thành bệnh viện hiện đại về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của cả khu vực.

Xã Đô Lương đã triển khai thực hiện tốt mô hình Chính quyền đại phương 2 cấp. Bộ máy cơ bản ổn định, phân công rõ trách nhiệm, rõ người, rõ việc. Không để xảy ra tình trạng chông chéo trong thực hiện nhiệm vụ. Các thủ tục hành chính được giải quyết kịp thời cho Nhân dân. Làm tốt công tác kiện toàn, bổ sung, thay thế đội ngũ cán bộ còn thiếu, còn khuyết theo đúng quy định.

2. Báo cáo tình hình lãnh đạo, chỉ đạo, công tác thông tin, tuyên truyền, nắm tình hình, định hướng dư luận; việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở địa phương (số lượng văn bản cụ thể). Cơ chế phối hợp giữa HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, các cơ quan chuyên môn và cơ chế chỉ đạo, điều hành thường xuyên của UBND cấp tỉnh đối với cấp xã. Đánh giá tác động năng lực điều hành của chính quyền địa phương 02 cấp đối với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Từ khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, Cấp uỷ, chính quyền xã Đô Lương thường xuyên nắm bắt tình hình thông tin dư luận. Nội dung dư luận các bao trùm trên tất cả các lĩnh vực xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng an ninh. Tuy nhiên UBND xã đã làm tốt công tác nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, không để xảy ra vấn đề phức tạp, điểm nóng trên địa bàn xã.

- Sau khi thành lập chính quyền địa phương hai cấp, UBND xã đã kịp thời ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 về việc ban hành Quy chế làm việc của UBND xã Đô Lương nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 1748/QĐ-

UBND ngày 30/12/2025 về quy chế làm việc của UBND xã (thay thế Quyết định số 14/QĐ-UBND); Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND xã Đô Lương; Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 của UBND xã về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các PCT UBND xã (thay thế Quyết định số 21/QĐ-UBND); Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 quy định về mối quan hệ công tác giữa UBND xã Đô Lương và xóm trưởng; Quyết định số 04/QCPH-HĐND-UBND-UBMTTQVN ngày 21/8/2025 về quy chế phối hợp giữ Hội đồng nhân dân, UBND xã và Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 180 - QĐ/ĐU ngày 17/9/2025 của Đảng ủy xã Đô Lương về việc ban hành quy chế phối hợp giữa Ban Xây dựng Đảng với UBND xã trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác khoa giáo trên địa bàn xã.

UBND xã đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND xã; trên cơ sở đó, thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để triển khai thực hiện hiệu quả các lĩnh vực được giao.

UBND xã đã nhanh chóng triển khai công tác chỉ đạo điều hành, bảo đảm ổn định tổ chức bộ máy và tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Việc triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh về chính quyền địa phương 02 cấp. Đánh giá hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý các vấn đề phát sinh trong giai đoạn chuyển đổi mô hình; mức độ ổn định tư tưởng cán bộ, công chức và sự đồng thuận của Nhân dân, ổn định tổ chức bộ máy và bảo đảm vận hành thông suốt chính quyền địa phương sau sắp xếp.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các văn bản điều hành của Chính phủ, cấp tỉnh về thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp như: Kết luận 186-KL/TW ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị: Về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận 195-KL/TW ngày 26/9/2025 của Bộ Chính trị: Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận số 202-KL/TW ngày 31/10/2025 Của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới; Kết luận số 228-KL/TW ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết 268/NQ-CP ngày 31/08/2025 của Chính phủ Về tình hình triển khai thực hiện và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 03/10/2025

của Chính phủ về giải pháp thực hiện hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp theo kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đặc biệt là thực hiện nhiệm vụ tại các Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền của UBND xã trên tất cả các lĩnh vực.

UBND xã đã làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý các vấn đề phát sinh trong giai đoạn chuyển đổi mô hình; mức độ ổn định tư tưởng cán bộ, công chức và sự đồng thuận của Nhân dân, ổn định tổ chức bộ máy và bảo đảm vận hành thông suốt chính quyền địa phương sau sắp xếp.

II. KẾT QUẢ SAU 01 NĂM VẬN HÀNH

1. Kết quả thực hiện

(1) Tổ chức bộ máy và nhân sự

a) Về Tổ chức bộ máy

- Việc kiện toàn cơ quan chuyên môn cấp xã (số lượng cụ thể trước và sau sắp xếp) và Trung tâm phục vụ hành chính công; tình hình sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quản lý của địa phương (số lượng trước khi sắp xếp, tại thời điểm ngay sau sắp xếp năm 2025 và diễn biến sau khi sắp xếp đến nay) (Mẫu số 01 kèm theo).

+ Ngay từ khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, xã đã thành lập 04 phòng, tổ chức hành chính thuộc UBND xã gồm: Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa – Xã hội, Trung tâm phục vụ hành chính công. Tại thời điểm tháng 7/2025, các phòng, đơn vị gồm 01 trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng, riêng đối với trung tâm phục vụ hành chính công thì bố trí 01 Phó Chủ tịch UBND xã kiêm nhiệm giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công.

+ Thực hiện tiếp nhận 25 trường học gồm 07 trường THCS, 09 trường Tiểu học, 09 trường Mầm non là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã.

+ Thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên trực thuộc UBND xã.

+ Thành lập Trung tâm cung ứng dịch vụ công là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã.

- Tình hình kiện toàn số lượng cơ quan chuyên môn cấp xã theo Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ: UBND xã vẫn giữ nguyên 04 phòng chuyên môn, tổ chức hành chính như thời điểm tháng 7 năm 2025. Tuy nhiên, UBND xã thực hiện bổ nhiệm mỗi phòng 02 phó trưởng phòng; đối với Trung tâm phục vụ hành chính công xã thì bố trí 01 Giám đốc Trung tâm chuyên trách (không bố trí Phó Chủ tịch UBND xã làm giám đốc Trung tâm kiêm nhiệm), bố trí 01 phó giám đốc Trung tâm.

- Việc bàn giao, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, hồ sơ công việc đang giải quyết, tồn đọng của cấp đơn vị hành chính cũ và xử lý công việc chuyển tiếp. Tiến độ và kết quả thực hiện: Công tác bàn giao được thực hiện theo đúng quy định, đồng bộ và có sự phối hợp giữa các phòng, đơn vị, bộ phận. Nội dung bàn giao gồm hồ sơ, tài liệu, các công việc đang giải quyết, các công việc tồn đọng và nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch đã ban hành. Sau khi tiếp nhận, các phòng, đơn vị, bộ phận khẩn trương rà soát, phân loại công việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng công chức, giao thời hạn cụ thể để xử lý từng vụ việc; các hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy trình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Các nội dung vượt thẩm quyền, chưa rõ thẩm quyền thì báo cáo xin ý kiến cấp trên theo quy định.

- Đánh giá tình hình hoạt động, hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp; mức độ ổn định, thông suốt trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính cơ bản đã đi vào hoạt động ổn định, đảm bảo các thủ tục hành chính không bị gián đoạn; Các cơ quan, đơn vị nhanh chóng ổn định tổ chức, kiện toàn nhân sự, đảm bảo công việc cơ bản thông suốt.

- Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sắp xếp, bàn giao, tiếp nhận, xử lý công việc chuyển tiếp: Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp khối lượng công việc cấp xã tăng lên trong khi số lượng biên chế giảm, gây quá tải và áp lực lên cán bộ, công chức xã. Việc tiếp nhận một số nhiệm vụ chưa quy định rõ thẩm quyền nên xã phải xin ý kiến cấp trên để giải quyết.

b) Về công tác nhân sự

- Tình hình thực hiện khung số lượng Phó Chủ tịch, số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo Nghị định số 300/2025/NĐ-CP.

UBND xã gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 05 Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

- Số lượng biên chế cán bộ, công chức trước và sau sáp nhập (trong đó, báo cáo cụ thể số lượng biên chế nghỉ hưu, nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc,...); số lượng cán bộ, công chức làm việc tại ĐVHC chính cấp xã sau sáp nhập đến thời điểm ngày 30/4/2026; số lượng cán bộ, công chức được điều động, biệt phái từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm ngày 30/4/2026. Tình hình bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

+ Số lượng biên chế cán bộ, công chức cơ quan HĐND-UBND xã khi mới sáp nhập gồm 64 người, trong đó ban chỉ huy quân sự xã có 04 biên chế, HĐND xã 03 biên chế.

+ Đến thời điểm tháng 9/2025, có 12 công chức nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178 (02 nghỉ hưu trước tuổi, 10 người nghỉ thôi việc).

+ Đến thời điểm tháng 4 năm 2026, Số lượng cán bộ, công chức cơ quan HĐND-UBND xã Đô Lương có 50 người (trong đó có 03 biên chế thuộc HĐND xã, 47 biên chế thuộc UBND xã).

+ Số lượng cán bộ công chức được điều động nội bộ các phòng chuyên môn thuộc UBND xã gồm 02 công chức: Từ Văn phòng HĐND-UBND xã đến công tác tại phòng Kinh tế.

+ Tình hình bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Tại thời điểm tháng 7/2025, UBND xã đã tiếp nhận 71 người hoạt động không chuyên trách cấp xã từ 09 xã, thị trấn (cũ). Tính đến 04/2026, còn 18 người hoạt động không chuyên trách cấp xã làm hỗ trợ giúp việc tại các phòng chuyên môn, ban chỉ huy quân sự xã, Ủy ban MTTQ xã. Có 16/18 người đăng ký nghỉ chế độ theo Nghị định số 154 từ ngày 30/5/2026.

- Việc sắp xếp, bố trí làm cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của Đảng, của pháp luật. Việc bố trí nhân sự sau sắp xếp, thành lập Trung tâm cung ứng dịch vụ công cấp xã, Trạm y tế cấp xã.

+ Việc bố trí, sắp xếp cán bộ công chức, viên chức cấp xã theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với việc bố trí công chức tại các phòng chuyên môn đảm bảo số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác ở các vị trí việc làm.

+ Đối với Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã: Tiếp nhận 06 viên chức từ Trung tâm Văn hóa TT và TT huyện Đô Lương (cũ) và Trung tâm khuyến nông tỉnh. Bố trí 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách điều hành Trung tâm phục vụ hành chính công từ tháng 4 năm 2026.

+ Đối với Trạm y tế cấp xã: Hiện nay xã Đô Lương có 09 Trạm y tế, các trạm y tế đang thuộc quản lý ngành dọc là Trung tâm Y tế Đô Lương, Sở Y tế.

- Kết quả phê duyệt vị trí việc làm; tình hình thừa thiếu, sự phù hợp trong bố trí, sử dụng; Tổng số cán bộ, công chức có mặt đến 30/4/2026; trình độ chuyên môn, đào tạo; mức độ phù hợp với vị trí việc làm được phân công, tiếp nhận, bố trí; kết quả đánh giá, xếp loại công chức theo vị trí việc làm:

+ UBND xã đang xây dựng đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của sở Nội vụ. Tổng số cán bộ, công chức cơ quan HĐND-UBND xã đến thời điểm 30/4/2026 là 50 người (trong đó biên chế HĐND xã là 03 người), số lượng cán bộ công chức có trình độ thạc sỹ là 16 người, số lượng công chức có trình độ đại học là 34 người.

+ Cơ bản các cán bộ, công chức được bố trí phù hợp với vị trí việc làm và kinh nghiệm công tác, một số vị trí việc làm không bố trí công chức có chuyên môn phù hợp như: y tế, công nghệ thông tin, giáo dục và đào tạo, giao thông, xây dựng....

- Tình hình tuyển dụng bổ sung công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển); tiếp nhận vào công chức, viên chức; ký hợp đồng lao động đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí công chức cấp tỉnh, cấp xã.

Từ khi thực hiện hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã chưa trình cấp có thẩm quyền kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức; ký hợp đồng lao động đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí công chức cấp xã. Lý do, UBND xã Đô Lương đã bố trí đủ biên chế theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao năm 2026.

Riêng đối với viên chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã, UBND xã đã thực hiện quy trình tiếp nhận 01 viên chức lãnh đạo quản lý.

- Tình hình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức quản lý nhà nước; chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức ở cấp tỉnh, cấp xã (số lượng lượt tham gia, chiếm tỷ lệ bao nhiêu %).

Cán bộ, công chức xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức quản lý nhà nước trên các lĩnh vực do các sở, ban, ngành cấp tỉnh tổ chức. Số người tham gia lớp quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính: 20 người; số lượng tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng: 03 người.

- Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và hiệu quả công tác sắp xếp, bố trí nhân sự; đồng thời, đánh giá công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở và phương án bổ sung biên chế, điều động cán bộ theo Thông báo số 21-TB/VPTW:

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, tuy nhiên có một số vị trí việc làm không có công chức có trình độ chuyên môn phù hợp để bố trí; UBND xã sẽ chủ động lập danh sách các công chức đang bố trí vị trí việc làm chưa phù hợp với chuyên môn để có phương án đào tạo bồi dưỡng trong thời gian tới.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình bố trí vị trí việc làm, biên chế, tiêu chuẩn chức danh, cơ cấu ngạch công chức:

+ Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, số lượng biên chế giảm nhưng khối lượng công việc tăng, gây quá tải cho cán bộ, công chức cấp xã.

+ Việc xây dựng vị trí việc làm theo Nghị định 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 tuy nhiên trên thực tế một số vị trí việc làm không bố trí được công chức có trình độ chuyên môn phù hợp để đảm nhận.

+ Việc xác định ngạch công chức cho chức danh là Phó Chủ tịch UBND xã chưa được quy định cụ thể.

+ Chế độ chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã còn thấp so với khối lượng công việc được giao.

(2) Phân quyền, phân cấp, ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền

- Báo cáo tổng số nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực mà chính quyền cấp tỉnh cho phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương cấp xã (ghi rõ số lượng nhiệm vụ của lĩnh vực nào); số lượng nhiệm vụ chính quyền địa phương cấp xã đề nghị được phân cấp thực hiện, điều kiện đảm bảo; cơ chế đánh giá tính khả thi các nhiệm vụ được phân cấp.

+ Quyết định số 86/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc phân cấp thẩm quyền trong công tác cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh. *(Phân cấp cho Chủ tịch UBND xã 05 nhiệm vụ)*;

+ Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phân cấp thẩm quyền trong công tác cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Nghệ An. *(Phân cấp cho UBND xã 03 nhiệm vụ; Phân cấp cho Chủ tịch UBND xã 05 nhiệm vụ)*.

+ Công văn số 6997/UBND-VX ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phân công, phân cấp lĩnh vực an toàn thực phẩm khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp *(Phân cấp cho UBND xã 13 nhiệm vụ)*

+ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phân cấp thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An *(Phân cấp cho UBND xã thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn quản lý)*.

+ Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An quy định về phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An. *(Phân cấp cho Chủ tịch UBND xã 14 nhiệm vụ)*

+ Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng an toàn trong thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An *(Phân công, phân cấp cho UBND xã 03 nhiệm vụ)*.

+ Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền đối với các chương trình, dự án đầu tư công và dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp huyện quyết định. *(Ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã 02 nhiệm vụ)*.

+ Quyết định số 10052/QĐ-SXD ngày 19/12/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch

chung xã, điều chỉnh quy hoạch chung xã. (*Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã, điều chỉnh quy hoạch chung xã*).

Tính đến thời điểm hiện nay, UBND xã không đề nghị sở, ban, ngành cấp tỉnh phân cấp nhiệm vụ về cho cấp xã.

- Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, uỷ quyền: Hiện nay, đối với các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh phân cấp về cho Chủ tịch UBND xã, UBND xã đang được thực hiện hiệu quả theo quy định.

(3) Về cơ sở vật chất, hỗ trợ nhà ở, trang thiết bị, tài sản công

- Số cơ sở nhà đất đã xử lý, chưa xử lý; việc chuyển đổi công năng sử dụng; trang thiết bị, xe công (Bao nhiêu cơ sở đã đưa vào sử dụng hiệu quả, bao nhiêu cơ sở đã xử lý nhưng chưa khai thác được, những mô hình chuyển đổi công năng hiệu quả cho y tế, giáo dục, văn hóa, nhà ở công vụ,...; có phát sinh lãng phí hay không).

+ Tình hình cơ sở nhà đất: Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh về sắp xếp xử lý tài sản công sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã Đô Lương đã chỉ đạo các Phòng rà soát, báo cáo và trình Sở Tài Chính, UBND tỉnh để sắp xếp và có phương án xử lý đối với tài sản công dôi dư sau sắp xếp, không để thất thoát, lãng phí tài sản công. Tính đến ngày 02/5/2026, 100% các cơ sở nhà đất tại xã Đô Lương đã được xử lý và có chủ thể quản lý, sử dụng theo quy định của mô hình chính quyền 2 cấp. Một số nhà đất dôi dư được chuyển đổi công năng sử dụng cho các trường học để mở rộng khuôn viên, các xóm làm điểm sinh hoạt cộng đồng.

+ Trang thiết bị và xe công: Tất cả các đơn vị hành chính cấp xã tại xã Đô Lương đã được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, hệ thống kết nối mạng và phần mềm quản lý hồ sơ điện tử theo yêu cầu mô hình chính quyền 2 cấp. Đối với xe công thì cơ quan Đảng ủy, UBND xã Đô Lương được bố trí 01 xe công phục vụ chung từ UBND huyện Đô Lương cũ.

- Các điều kiện đảm bảo vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bao gồm cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị làm việc,... Nguồn lực ngân sách địa phương (NSDP) đã chi để thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, chi tiết chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và chi tiết từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn NSDP và nguồn tài chính hợp pháp khác.

+ Các điều kiện đảm bảo vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: Thực hiện Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt phương án, bố trí, xử lý tài sản công cho chính quyền cấp xã (mới) sau khi sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Đô Lương về việc giao tài sản công là nhà, đất cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã Đô Lương quản lý, sử dụng cụ thể: Trụ sở liên cơ quan HĐND-UBND huyện Đô

Lương cũ tại xóm Minh Hòa Yên Sơn, xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An được giao cho Văn phòng HĐND-UBND xã Đô Lương quản lý chung; giao Đảng ủy-UBND xã Đô Lương sử dụng; Trụ sở Huyện ủy cũ tại xóm 4 Thị Trấn, xã Đô Lương giao cho UBMTTQ Việt Nam xã Đô Lương quản lý, sử dụng. UBND xã cũng đã tập trung bố trí các thiết bị làm việc cơ bản như máy tính, máy in, hệ thống kết nối mạng cho cán bộ, công chức để phục vụ công tác. Hệ thống phòng họp trực tuyến được chú trọng trang bị, hỗ trợ việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị giữa trung ương, cấp tỉnh đến xã góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại.

+ Nguồn lực ngân sách địa phương (NSDP) đã chi để thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: UBND xã đã bố trí ngân sách để chi đầu tư phát triển (xây dựng sửa chữa trường học, trạm y tế, bệnh viện, giao thông...) theo đúng quy định. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên: chi lương, phụ cấp, bảo hiểm, khen thưởng... cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chi đảm bảo hoạt động của phòng, ban, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 6.000.000.000 đồng (*Chi cho đầu tư phát triển: 1.356.896.000 đồng; Chi thường xuyên: 4.643.104.000 đồng*).

- Các chính sách hỗ trợ đi lại, nhà ở, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức: UBND xã chưa ban hành quy định về chế độ hỗ trợ đi lại, nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Đánh giá công tác triển khai thực hiện, xử lý các tài sản nhà, đất dôi dư; công tác đảm bảo cơ sở vật chất, các chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức tại địa phương: Công tác triển khai thực hiện, xử lý các tài sản nhà, đất dôi dư được thực hiện đúng quy định; Công tác đảm bảo cơ sở vật chất, các chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức cơ bản được đảm bảo.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện: Việc lập việc lập kế hoạch quản lý, khai thác nhà, bảng giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất được giao để sử dụng vào mục đích cho thuê còn lúng túng; Các Văn bản mới thay đổi cần thời gian nghiên cứu, thực hiện.

(4) Số hoá tài liệu, lưu trữ

- Báo cáo kết quả đạt được trong công tác văn thư, lưu trữ và tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ số hoá tài liệu lưu trữ:

+ Khối lượng tài liệu, hồ sơ: Tổng số tài liệu cần quản lý ước khoảng 09 mét giá, hình thành từ sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp.

+ Kết quả thu thập, lưu trữ: Đã tổ chức thu thập và đưa vào lưu trữ 09 mét giá, cơ bản đảm bảo tài liệu được tập trung, hạn chế thất lạc.

+ Công tác chỉnh lý: Toàn bộ tài liệu đã phân loại, lập hồ sơ hiện hành, chưa được chỉnh lý.

+ Hệ thống kho lưu trữ: Tại UBND xã Đô Lương bố trí 01 kho lưu trữ cơ bản đảm bảo về diện tích, giá kệ, thông thoáng.

+ Về nhân lực: bố trí 01 cán bộ chuyên trách phụ trách văn thư cơ quan. Nhân lực mỏng, chưa đáp ứng khối lượng công việc ngày càng tăng, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi số.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin: Đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung. Chưa có hệ thống lưu trữ điện tử chuyên sâu.

- Tình hình triển khai số hoá tài liệu lưu trữ: Thực hiện chủ trương chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, UBND xã đã từng bước triển khai số hoá tài liệu lưu trữ nhằm bảo quản an toàn tài liệu, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Công tác số hoá hiện vẫn chủ yếu ở mức chuyển đổi hình thức lưu trữ (từ giấy sang file PDF), chưa đạt tới mức quản trị dữ liệu số. Tổng khối lượng đã số hoá: khoảng 09 mét giá.

Kết quả bước đầu: đã hình thành kho dữ liệu tài liệu số bước đầu phục vụ tra cứu; rút ngắn thời gian tìm kiếm thông tin đối với một số lĩnh vực; góp phần giảm tần suất khai thác tài liệu gốc, hạn chế hư hỏng.

- Việc sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử, hồ sơ điện tử.

UBND xã đã triển khai đồng bộ việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc, từng bước chuyển từ môi trường giấy sang môi trường điện tử. 100% văn bản đến, đi (trừ văn bản mật) được tiếp nhận, xử lý và phát hành trên hệ thống điện tử; việc luân chuyển văn bản cơ bản thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng. Lãnh đạo UBND xã đã được cấp chứng thư số.

Việc sử dụng chữ ký số giúp nâng cao hiệu quả xử lý công việc, giảm thời gian luân chuyển văn bản; tăng tính minh bạch, khả năng theo dõi, kiểm soát tiến độ giải quyết công việc; góp phần giảm chi phí in ấn, lưu trữ và từng bước hình thành môi trường làm việc số.

- Đánh giá mức độ, hiệu quả thực tiễn triển khai công tác số hoá tài liệu, lưu trữ:

Công tác số hoá tài liệu, lưu trữ tại UBND xã Đô Lương hiện đang ở mức triển khai trung bình – chuyên tiếp, cụ thể: Đã hình thành nhận thức và tổ chức thực hiện số hoá theo kế hoạch; Bước đầu tạo lập được dữ liệu tài liệu số, gắn với một số nhóm hồ sơ quan trọng. Tuy nhiên, việc số hoá chưa toàn diện, chưa đồng bộ và chưa khép kín quy trình từ tạo lập – xử lý – lưu trữ – khai thác tài liệu điện tử. Nhìn chung, mới đạt mức “số hoá một phần”, chưa đạt tới mức “lưu trữ số hoàn chỉnh”.

- Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện và hạn chế trong việc bảo đảm các nguồn lực thực hiện: Dữ liệu số hoá chưa được khai thác hiệu quả, chủ yếu lưu trữ thụ động, chưa phục vụ tốt cho quản lý và điều hành. Hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa bảo đảm cho việc lưu trữ, khai thác dữ liệu số dung lượng lớn; Nhân lực mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm, chưa đáp

ứng yêu cầu triển khai đồng thời nhiều nhiệm vụ (chính lý, số hoá, quản lý dữ liệu). Dữ liệu sau số hoá chưa được chuẩn hoá đầy đủ, dẫn đến khả năng tìm kiếm và liên kết thông tin còn hạn chế. Việc khai thác tài liệu số chưa thường xuyên, chưa tích hợp với hệ thống quản lý văn bản để phục vụ điều hành. Tỷ lệ sử dụng chữ ký số chưa cao (khoảng 35%), trong khi phần lớn văn bản vẫn thực hiện ký sao y kèm bản scan chữ ký, văn bản vẫn phải in – ký – scan, làm tăng thời gian xử lý, phát hành.

(5) Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số, thủ tục hành chính

- Tình hình đầu tư, trang bị hạ tầng công nghệ thông tin tại cấp tỉnh và cấp xã (máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối, mạng, trung tâm dữ liệu,...):

Trong năm đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã đã quan tâm đầu tư, trang bị hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Đến nay, hạ tầng thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: 100% cán bộ, công chức, người lao động được trang bị máy tính phục vụ công việc; Các thiết bị ngoại vi như máy in, máy photocopy, thiết bị lấy số thứ tự tại Trung tâm Phục vụ hành chính công được trang bị đầy đủ, đảm bảo phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Hạ tầng kết nối, đường truyền, kết nối liên thông giữa các cấp được triển khai đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu: Đường truyền internet tại UBND xã đạt tốc độ khoảng 300 Mbps; riêng Trung tâm Phục vụ hành chính công đạt khoảng 500 Mbps; Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Nhà nước được duy trì ổn định, bảo đảm kết nối thông suốt với cấp trên; Hệ thống mạng nội bộ (LAN) và kết nối internet hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Hệ thống phần mềm và mức độ kết nối, liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ địa phương và với hệ thống của bộ, ngành Trung ương. Các điểm nghẽn kỹ thuật.

Các hệ thống phần mềm dùng chung và chuyên ngành được triển khai, vận hành tương đối hiệu quả: Các hệ thống phục vụ quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính được sử dụng đồng bộ; Mức độ kết nối, liên thông giữa hệ thống của địa phương với các bộ, ngành Trung ương cơ bản đáp ứng yêu cầu; Đội ngũ cán bộ, công chức đã được tập huấn, nắm vững quy trình, thao tác trên hệ thống.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm nghẽn kỹ thuật: Việc truy cập, xử lý hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công của tỉnh vào thời điểm cao điểm còn xảy ra tình trạng chậm, nghẽn; Một số lỗi hệ thống phát sinh trong quá trình vận hành, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ, cần được khắc phục kịp thời.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp:

Nhìn chung, hạ tầng công nghệ và hệ thống thông tin hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: Bảo đảm duy trì hoạt động quản lý, điều hành trên môi trường số; Đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Hỗ trợ hiệu quả việc kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các cấp.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu vận hành lâu dài và nâng cao chất lượng phục vụ, hạ tầng cần tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện.

- Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận, số lượng hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn; tỷ lệ hồ sơ quá hạn; kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công. Tình hình giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính.

+ Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đến thời điểm báo cáo:

Tổng số TTHC cấp xã: 417; số lượng TTHC trực tuyến toàn trình: 183 thủ tục; một phần: 234 thủ tục ;

Tổng số hồ sơ tiếp nhận (từ ngày 01/07/2025 đến 14/4/2026): 9619. Trong đó số lượng hồ sơ trực tuyến: 9374, trực tiếp: 245. Giải quyết đúng và trước hạn: 9304, tỷ lệ 97%; đang giải quyết trong hạn: 307, quá hạn: 08. Thực hiện hiệu quả 02 nhóm thủ tục liên thông "Khai sinh - Cư trú - Cấp thẻ BHYT" và "Khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí" với tổng số 930 hồ sơ.

+ Về kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công đạt trên 90%. Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; tỷ lệ số hóa đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu: do trong quá trình triển khai tiếp nhận hệ thống giải quyết TTHC các Bộ, ngành nên việc tái sử dụng dữ liệu chưa được đồng bộ. Số lượng thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước (chưa thực hiện đồng bộ trên hệ thống các Bộ, ngành).

+ Triển khai vận hành tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đồng thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành với địa phương. Đơn đốc cán bộ sử dụng đồng thời hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An và Hệ thống tập trung của các Bộ, ngành. Theo dõi, đơn đốc sử dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh, các Bộ ngành làm cơ sở dữ liệu hợp nhất với Cổng dịch vụ công Quốc gia, hệ thống điều phối giải quyết TTHC trong thời gian tới.

+ Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới: UBND xã niêm yết công khai, công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết.

+ Tiếp tục đề xuất, rà soát cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo.

+ Về trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công được bố trí riêng nhà 02 tầng trong khuôn viên cơ quan UBND xã với đầy đủ trang thiết bị: máy tính, máy quét hồ sơ, mạng Lan, kiosk dịch vụ công hỗ trợ người dân nộp trực tuyến, hệ thống máy lấy số tự động. Việc bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng; nhân lực cho việc giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn xã (gồm 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 06 chuyên viên)

- Đánh giá mức độ kết nối, liên thông giữa các cấp trong quá trình triển khai trang bị hạ tầng công nghệ thông tin và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tại địa phương.

Việc triển khai hạ tầng công nghệ và dịch vụ công đã mang lại hiệu quả tích cực: Người dân, doanh nghiệp được hỗ trợ đầy đủ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, cả trực tiếp và trực tuyến; Thời gian xử lý hồ sơ được cải thiện, quy trình minh bạch, thuận tiện hơn; Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp cơ bản ở mức tốt; tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng trong một số thời điểm do tình trạng nghẽn hệ thống.

- Nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số, thủ tục hành chính: Số lượng máy scan phục vụ số hóa hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu (hiện có 16 máy), gây áp lực trong xử lý hồ sơ số hóa. Một số máy tính đã sử dụng lâu năm, cấu hình thấp, hoạt động chậm, phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Hạ tầng mạng nội bộ chưa đồng bộ; vẫn còn sử dụng cáp mạng chuẩn CAT5, CAT5E, ảnh hưởng đến tốc độ và độ ổn định. Máy in chủ yếu là loại cũ, đã sử dụng lâu năm thường phát sinh lỗi. Hệ thống phần mềm, dịch vụ công đôi khi chưa ổn định, đặc biệt vào giờ cao điểm.

2. Đánh giá

a) *Ưu điểm*: Đánh giá những lợi ích, hiệu quả trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp đối với công tác quản trị, điều hành; đối với người dân, doanh nghiệp; đối với hệ thống chính trị. Tính thông suốt, kịp thời trong điều hành từ cấp tỉnh (tỉnh, thành phố) đến cấp xã (xã, phường, đặc khu); Đánh giá rõ mức độ chuyển đổi số tại địa phương, việc giảm thời gian giải quyết công việc, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Tác động của việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp về phát triển kinh tế - xã hội địa phương; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương; Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; Cung ứng dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp; Đời sống, việc làm, sinh hoạt của nhân dân.; Đánh giá rõ kết quả, hiệu lực, hiệu quả hoặc định lượng sản phẩm cụ thể trong quá trình thực hiện.

- Khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp thì bộ máy được tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả quản lý (địa bàn huyện Đô Lương trước đây có 01 huyện và 33 xã, thị trấn nay giảm còn 6 xã). Công tác quản lý nay rút ngắn, cấp tỉnh chỉ đạo, triển khai trực tiếp cho cấp xã thực hiện, nên kịp thời xử lý với các khó khăn vướng mắc.

- Việc thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp sẽ tạo ra không gian rộng hơn để phát triển kinh tế – xã hội, không bị bó hẹp trong phạm vi địa giới hành chính cấp xã (cũ). UBND xã có nhiều quyền tự chủ hơn, trách nhiệm trong quản lý và giải quyết nhiệm vụ.

- Việc thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp giúp giảm biên chế, cơ cấu lại chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết TTHC. Hoạt động giải quyết TTHC cho người dân đảm bảo ổn định, hiệu quả, thông suốt; quy trình chặt chẽ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc và giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân. Thực hiện công khai, minh bạch, giảm phiền hà, mức độ đánh giá sự hài lòng của người dân đạt hiệu quả.

- Việc cung ứng các dịch vụ công thiết yếu cho người dân được quan tâm: y tế, giáo dục, văn hoá, giao thông..., Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Khó khăn, vướng mắc: Trình bày các nhóm khó khăn, vướng mắc; những giải pháp bộ, ngành đã thực hiện, hướng dẫn; địa phương chủ động giải quyết, tháo gỡ đối với từng nhóm khó khăn, vướng mắc. Các khó khăn, vướng mắc còn tồn tại hiện nay (tập trung làm rõ các khó khăn, vướng mắc về nhận thức; thể chế, chính sách; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nguồn lực, khả năng đáp ứng;...).

- Thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, khối lượng công việc tại cấp xã tăng trong khi số lượng biên chế cán bộ, công chức giảm; trình độ năng lực cán bộ, công chức trong công tác tham mưu chưa quen với mô hình mới nên ảnh hưởng đến chất lượng công việc.

- Việc thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền vẫn còn vướng mắc. Các văn bản quy phạm pháp luật đang còn chồng chéo, thay đổi thường xuyên nên khó khăn trong việc áp dụng triển khai thực hiện.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách xóm, chi đoàn, chi hội còn thấp so với khối lượng công việc trong giai đoạn hiện nay.

- Trong giải quyết Thủ tục hành chính cho người dân còn một số khó khăn như sau:

+ Đa số người dân thiếu năng lực sử dụng công nghệ thông tin và xác nhận thông tin định danh Điện tử chưa đồng bộ nên việc hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn gặp khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả cải cách thủ tục hành chính.

+ Việc khai thác tài liệu lưu kho chưa được tự động hóa hoàn toàn; chưa có danh mục chi tiết hồ sơ cần lưu khiến việc khai thác kho dữ liệu cá nhân chưa đạt hiệu quả cao nhất.

+ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia đôi lúc xảy ra lỗi kỹ thuật, không đăng nhập được hoặc hệ thống chậm; làm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc.

+ Triển khai thực hiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ ngành còn chưa đồng bộ, chưa được triển khai thống nhất, chưa phù hợp quy trình đã được phê duyệt, chưa đảm bảo công tác kết nối, tích hợp các thông tin cần thiết; cán bộ phải thực hiện trên nhiều hệ thống khác nhau, khó khăn trong giải quyết TTHC và công tác tổng hợp, kiểm soát TTHC hàng tháng.

+ Hệ thống trên phần mềm đăng ký hộ kinh doanh được triển khai tiếp nhận, xử lý tại Hệ thống giải quyết TTHC của Bộ Tài chính chỉ phân quyền cho cán bộ tiếp nhận, xử lý thuộc phòng kinh tế UBND xã, khó khăn trong việc theo dõi hồ sơ, kiểm soát TTHC lĩnh vực Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã;

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của xã đạt thấp do hồ sơ TTHC Tỉnh công bố, quy định có phát sinh nhiều như: lĩnh vực Chứng thực, thực hiện điều chỉnh trợ cấp xã hội hàng tháng chủ yếu nằm trong nhóm dịch vụ công trực tuyến "một phần", gây bất cập khi chấm điểm phân loại đơn vị hành chính của xã (theo quy định lấy tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình/tổng số hồ sơ TTHC theo mức bình quân chung của Tỉnh không phù hợp đối với những xã phát sinh hồ sơ nhiều ở các lĩnh vực nhưng tỷ lệ thấp)

- Một số khó khăn vướng mắc cụ thể trên các lĩnh vực chuyên môn:

*** Lĩnh vực đất đai**

+ **Nội dung 1:** Luật Đất đai năm 2024 quy định các trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2014 sử dụng ổn định (đã xây dựng nhà ở) được cấp giấy chứng nhận vào mục đích đất ở, tuy nhiên Khoản 19, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 đã xây dựng nhà ở hoặc chưa xây dựng nhà ở đều được cấp giấy chứng nhận vào mục đích đất ở.

Kiến nghị sửa đổi Điều 140, Luật Đất đai năm 2024 như sau: Các trường hợp giao đất ở không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 đã xây dựng nhà ở hoặc chưa xây dựng nhà ở đều được xem

xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào mục đích đất ở. Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận QSD đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

+ **Nội dung 2:** Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18/12/1980 chưa được cấp GCNQSD đất lần đầu nay cấp GCN QSD đất mà không có giấy tờ thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức công nhận đất ở. Còn nếu hộ gia đình, cá nhân đã được cấp GCN QSD đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 khi người sử dụng đất có nhu cầu hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại nếu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận trước đây có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6 và 7 Điều 137 của Luật Đất đai. Quy định như vậy người sử dụng đất được cấp GCN QSD đất bất lợi hơn người chưa được cấp GCN QSD đất.

Kiến nghị sửa đổi Khoản 6, Điều 141 Luật Đất đai theo hướng: Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp GCN QSD đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 khi người sử dụng đất có nhu cầu hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại bằng hạn mức công nhận đất ở (không phụ thuộc người sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy có giấy tờ hay không có giấy tờ).

+ **Nội dung 3:** Khoản 3, Điều 179 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “3. Đối với diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân xã cho cá nhân tại địa phương thuê đất để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá. Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 10 năm”.

Khoản 2, Điều 56, Nghị định số 102/2024/NDD-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định: “2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 55 Nghị định này. Trong đó hình thức cho thuê đất là Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm và giá khởi điểm được xác định theo bảng giá đất hằng năm”.

Khó khăn vướng mắc: Đất công ích thường manh mún, xen kẽ trong khu dân cư hoặc giữa các thửa đất của người dân, khó canh tác quy mô lớn, nhiều thửa đất trước đây UBND xã đã giao khoán cho các hộ gia đình sử dụng để sản xuất nông nghiệp hoặc nuôi trồng thủy sản với mức giá thấp, Quy trình lập phương án đấu giá, thẩm định và phê duyệt tốn thời gian, hạn chế về thời hạn cho thuê ngắn hạn và chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, hiệu quả kinh tế thấp, giá khởi điểm được xác định theo bảng giá là quá cao so với hiệu quả kinh tế thuê quỹ đất này để sản xuất nông nghiệp....

Kiến nghị: Sửa đổi Luật Đất đai theo hướng: Đối với quỹ đất công ích nên áp dụng hình thức thuê chỉ định theo giá bảng giá để khuyến khích người dân có nhu cầu, nhằm bảo đảm khai thác hiệu quả và tránh lãng phí tài nguyên đất đai.

+ **Nội dung 4:** Khoản 2, Điều 10 Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An quy định:

“2. Người có đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị trong thời gian chờ bố trí tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở...”

Khó khăn, vướng mắc: Chính sách hỗ trợ thuê nhà ở cho người có đất ở bị thu hồi chỉ áp dụng cho các trường hợp người có đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị. Đối với các dự án khác có tính chất tương tự (người dân phải di chuyển chỗ ở) nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh thì không được áp dụng, gây so sánh, thiếu công bằng và phát sinh kiến nghị.

Kiến nghị: Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu sửa đổi Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An theo hướng: Người có đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án trong thời gian chờ bố trí tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở.

+ **Nội dung 5:** Một số hộ dân chưa đồng thuận về đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh do hiện nay đơn giá nhân công, vật liệu xây dựng tại thị trường biến động lớn, chênh lệch so với giá quy định.

Kiến nghị: Sửa đổi hoặc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh theo hướng: Tăng đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng phù hợp với giá thị trường hiện nay.

*** Lĩnh vực Văn hoá – Xã hội:**

- **Nội dung 1:** Theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/4/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, quy định:

“Trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ gắn với thực thi chức trách nhiệm vụ, công việc được giao; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý”

Và được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/4/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế như sau:

“Đối tượng có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ

thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

- a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;
- b) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;
- c) Được trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như sau:

Đối với những người có từ đủ 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng; đối với số năm còn lại (từ năm thứ 21 trở đi), mỗi năm được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Đối với những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng”.

Tuy nhiên tại Khoản 2, Điều 28, Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025 quy định:

“Nhà giáo trong cơ sở giáo dục mầm non nếu có nguyện vọng thì có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện bình thường nhưng không quá 05 tuổi. Trường hợp có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì không giảm tỷ lệ phần trăm hưởng lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi”.

Hiện nay, trên địa bàn xã Đô Lương một số nhà giáo (**cán bộ quản lý, giáo viên**) công tác trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập là đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ thì có được nghỉ hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Khoản 2, Điều 6, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ hay không?

- **Nội dung 2:** Công tác đánh giá xếp loại:

+ Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá xếp loại các xóm trên địa bàn xã nên khó khăn trong công tác đánh giá, xếp loại các xóm hàng năm.

+ Công tác đánh giá xếp loại công chức: Thực hiện Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ về đánh giá xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức. Tại Nghị định quy định việc đánh giá xếp loại phải trên cơ sở danh mục sản phẩm/công việc; Đơn vị sản phẩm/công việc; Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi, hiện nay xã đang gặp khó khăn trong việc xây dựng danh mục sản phẩm/công việc quy đổi để làm cơ sở đánh giá xếp loại công chức.

- **Nội dung 3:** Công tác người có công

Hiện nay UBND xã đang quản lý nghĩa trang với 2215 mộ, phòng Văn hoá – Xã hội phân công 01 công chức kiêm nhiệm công tác quản lý nghĩa trang, nghĩa trang không có Ban quản lý riêng nên gây khó khăn trong công tác quản lý.

- **Nội dung 4:** Bố trí biên chế cán bộ, công chức xã phù hợp với vị trí việc làm.

Hiện nay, UBND xã đang xây dựng Đề án vị trí việc làm, tuy nhiên có một số vị trí việc làm, công chức của UBND xã chưa có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm như: Y tế, công nghệ thông tin, xây dựng... Vì vậy UBND xã gặp khó khăn trong việc bố trí công chức.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM, CÁCH LÀM HAY CẦN NHÂN RỘNG

- Bài học về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy và chính quyền: Giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị; phát huy tốt khối đại đoàn kết toàn dân; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân. Kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh để xây dựng các kế hoạch, đề án phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương;

- Bài học về bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ: Bố trí, sử dụng công chức theo trình độ, năng lực và sở trường công tác, phù hợp với vị trí việc làm; phát huy tính chủ động của cán bộ, công chức trong công việc; Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ; Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ; đánh giá xếp loại cán bộ, kịp thời biểu dương, khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích xuất sắc, đồng thời cũng thẳng thắn góp ý, phê bình đối với cán bộ, công chức chưa hoàn thành thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Bài học về quản lý, sắp xếp và khai thác hiệu quả tài sản công: Tất cả các cơ sở nhà đất, trang thiết bị công không được để trống, hư hỏng hay lãng phí. Sau sắp xếp bộ máy, phải nhanh chóng xác định chủ thể quản lý, sử dụng hoặc phương án xử lý theo quy định, không để tình trạng bỏ mặc tài sản; Khi sắp xếp tài sản dư thừa, ưu tiên sử dụng cho các mục đích công như y tế, giáo dục, văn hóa, điều này giúp đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phúc lợi cho người dân.

- Bài học về ứng dụng công nghệ, dữ liệu trong quản trị địa phương: Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào trong công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hóa, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, thanh toán trực tuyến; Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ; tập huấn cho cán bộ, công chức sử dụng các ứng dụng công nghệ vào trong công việc.

IV. GIẢI PHÁP, PHƯƠNG HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

- Làm tốt công tác lãnh đạo chỉ, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền xã trong việc thực hiện các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra, thực hiện các chương trình, kế hoạch do UBND xã ban hành.

- Nêu cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động xử lý khó khăn, vướng mắc trong phạm vi thẩm quyền của mình, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy tại các phòng, ban, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND xã, sắp xếp các xóm theo hướng dẫn của cấp trên.

- Đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của chính quyền địa phương hai cấp. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức; Làm tốt công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng, điều động, đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Làm tốt công tác quản lý tài sản công, đặc biệt là các trụ sở dôi dư sau sắp xếp; quy hoạch chung xã, xây dựng kế hoạch phát triển theo giai đoạn, tăng cường nguồn lực để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp chính quyền địa phương hai cấp.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công vụ, xây dựng chính quyền điện tử và chính quyền số.

- Quan tâm đẩy mạnh công tác giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; Tiếp tục rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới hành chính, tăng cường công khai, minh bạch trong cung cấp dịch vụ công.

V. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ, ngành Trung ương:

- Đề nghị hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước, phân định rõ thẩm quyền của địa phương, trách nhiệm chéo.

- Đề xuất quan tâm đến chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã (lương, phụ cấp chức vụ cấp trưởng, phó phòng chuyên môn); sớm ban hành quy định về ngạch công chức đối với chức danh Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

- Đề nghị cấp trên sớm có phương án sáp nhập xóm và quan tâm chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách xóm.

- Đề xuất cấp trên đẩy mạnh công tác rà soát, cắt giảm hồ sơ thủ tục hành chính; Sớm hoàn thiện việc kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống quản lý chuyên ngành của Bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nghệ An, hệ thống điều phối giải quyết TTHC để tránh việc nhập liệu trùng lặp, tập trung về một hệ thống để cán bộ dễ theo dõi, tiếp nhận và xử lý đảm bảo đúng quy trình

nội bộ, quy trình điện tử được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tạo thuận lợi cho cơ sở thực hiện.

2. Đối với các đơn vị trong tỉnh:

- Xây dựng tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ, công chức cấp xã đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh.

- Đề xuất phân bổ cho các xã được thành lập thêm phòng chuyên môn theo quy định của cấp trên.

- Tăng cường chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương trong việc khai thác hệ thống các dữ liệu sẵn có để thay thế việc người dân phải cung cấp một số giấy tờ thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.

- Tăng cường kết nối với Bộ, ngành Trung ương để hướng dẫn các xã sử dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ ngành, hệ thống điều phối giải quyết TTHC đảm bảo thông suốt, hiệu quả và cung cấp đầy đủ các tính năng trích xuất số liệu, các tỷ lệ hồ sơ phục vụ công tác chấm điểm cải cách hành chính hàng năm và chỉ đạo điều hành giải quyết TTHC tại xã.

Trên đây là báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn xã Đô Lương. UBND xã Đô Lương báo cáo để UBND tỉnh, Sở Nội vụ được biết. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hoá – Xã hội;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Sơn



UBND XÃ ĐÒ LƯƠNG

Mẫu số 01

PHỤ LỤC PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA UBND XÃ ĐÒ LƯƠNG

Thời điểm Báo cáo: 29/4/2026

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, số, chỉ cục thuộc số, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của DVSNCL	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCD		TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của DVSNCL sau sắp xếp, tinh gọn	Mức độ tự chủ			
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp DVSNCL theo định hướng của BCD (ghi cụ thể)					DV tự bảo đảm chi TX và chi DT	DV tự bảo đảm chi TX	DV tự bảo đảm một phần chi TX	DV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
TỔNG						TỔNG							
1	Lĩnh vực giáo dục					1	Lĩnh vực giáo dục						
1,6	Trung học cơ sở					1,6	Trung học cơ sở						
1	Trường THCS Nam Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã				1	Trường THCS Nam Sơn	ngành công lập thuộc					1
2	Trường THCS Lý Tự Trọng	ngành công lập thuộc UBND xã				2	Trường THCS Lý Tự Trọng	ngành công lập thuộc					1
3	Trường THCS Đội Cung	ngành công lập thuộc UBND xã				3	Trường THCS Đội Cung	ngành công lập thuộc					1
4	Trường THCS Nguyễn Quốc Trị	ngành công lập thuộc UBND xã				4	Trường THCS Nguyễn Quốc Trị	ngành công lập thuộc					1

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, số, chi cục thuộc số, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNC theo dự kiến							
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNC theo định hướng của BCĐ (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC sau sắp xếp, tính gọn	Mức độ tự chủ	ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX
5	Trường THCS Nguyễn Thái Nhựt	ngành công lập thuộc UBND xã				5	Trường THCS Nguyễn Thái Nhựt	ngành công lập thuộc						1
6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	ngành công lập thuộc UBND xã				6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	ngành công lập thuộc						1
7	Trường THCS Lý Nhật Quang	ngành công lập thuộc UBND xã				7	Trường THCS Lý Nhật Quang	ngành công lập thuộc						1
1,7	Tiểu học					1,7	Tiểu học							
1	Trường Tiểu học Nam Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã				1	Trường Tiểu học Nam Sơn	ngành công lập thuộc						1
2	Trường Tiểu học Bắc Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã				2	Trường Tiểu học Bắc Sơn	ngành công lập thuộc						1
3	Trường Tiểu học Đặng Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã				3	Trường Tiểu học Đặng Sơn	ngành công lập thuộc						1
4	Trường Tiểu học Lưu Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã				4	Trường Tiểu học Lưu Sơn	ngành công lập thuộc						1
5	Trường Tiểu học Thị trấn	ngành công lập thuộc UBND xã				5	Trường Tiểu học Thị trấn	ngành công lập thuộc						1
6	Trường Tiểu học Đà Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã				6	Trường Tiểu học Đà Sơn	ngành công lập thuộc						1
7	Trường Tiểu học Yên Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã				7	Trường Tiểu học Yên Sơn	ngành công lập thuộc						1

				Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp DVSNCL theo dự kiến						
Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCD	Số lượng cơ cấu tổ chức của DVSNCL	Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp DVSNCL theo định hướng của BCD (ghi cụ thể)	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCD	Số lượng cơ cấu tổ chức của DVSNCL sau sắp xếp, tinh gọn	Mức độ tự chủ				
						DV tự bảo đảm chi TX và chi DT	DV tự bảo đảm chi TX	DV tự bảo đảm một phần chi TX	DV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	
Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, số, chức thuộc số, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)			TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý				
8	Trường Tiểu học Văn Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		8	Trường Tiểu học Văn Sơn	ngành công lập thuộc				1
9	Trường Tiểu học Thịnh Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		9	Trường Tiểu học Thịnh Sơn	ngành công lập thuộc				1
1,8	Mầm non			1,8	Mầm non					
1	Trường Mầm non Nam Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		1	Trường Mầm non Nam Sơn	ngành công lập thuộc				1
2	Trường Mầm non Bắc Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		2	Trường Mầm non Bắc Sơn	ngành công lập thuộc				1
3	Trường Mầm non Dâng Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		3	Trường Mầm non Dâng Sơn	ngành công lập thuộc				1
4	Trường Mầm non Lưu Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		4	Trường Mầm non Lưu Sơn	ngành công lập thuộc				1
5	Trường Mầm non Thị trấn	ngành công lập thuộc UBND xã		5	Trường Mầm non Thị trấn	ngành công lập thuộc				1
6	Trường Mầm non Đà Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		6	Trường Mầm non Đà Sơn	ngành công lập thuộc				1
7	Trường Mầm non Yên Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		7	Trường Mầm non Yên Sơn	ngành công lập thuộc				1
8	Trường Mầm non Văn Sơn	ngành công lập thuộc UBND xã		8	Trường Mầm non Văn Sơn	ngành công lập thuộc				1

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, sở, chi cục thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNC theo dự kiến							
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNC theo định hướng của BCĐ (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNC sau sắp xếp, tinh gọn	Mức độ tự chủ				
										ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX	
	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Đô Lương	Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã					Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Đô Lương	Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc						1

T.INGI



**BÁO CÁO THÔNG KÊ VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
DÂN CẤP XÃ**

TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN

Sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay								Số CBCC bố trí không phù hợp		
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cán bộ cấp tỉnh	Công chức cấp tỉnh	Cán bộ cấp Huyện	Công chức cấp Huyện	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	Về chuyên ngành đào tạo	Về kinh nghiệm công tác	Tổng số CBCC bố trí không phù hợp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20) = (18) + (19)
I	LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ	18	16	0	10	6	0	0	0	0	0	8	3	5					
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1	1		1							1							
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	3	3		3							3							
3	Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1	1		1								1						
4	Phó Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	2	1		1									1					
5	Trưởng phòng	2	2		1	1						2							
6	Phó Trưởng phòng	4	4		1	3						2		2					
7	Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	1	1			1							1						
8	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	2	1		1								1						
9	Trưởng ban HỖND xã	2	2		1	1								2					
II	CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ	32	34	0	6	28	0	0	0	0	0	2	6	26	0	0	7	0	0
1	Lĩnh vực Văn phòng																		



TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay							Số CBCC bố trí không phù hợp			
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cán bộ cấp tỉnh	Công chức cấp tỉnh	Cán bộ cấp Huyện	Công chức cấp Huyện	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	Về chuyên ngành đào tạo	Về kinh nghiệm công tác	Tổng số CBCC bố trí không phù hợp
1.1	Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân	1	1			1							1						
1.2	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	1	1			1								1					
1.3	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	1	1			1								1					
2	Lĩnh vực Tư pháp																		
2.1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	1	2			2								1		1			
3	Lĩnh vực Đối ngoại																		
3.1	Chuyên viên về lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới, lãnh thổ quốc																		
4	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch																		
4.1	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính	1	1			1									1				
4.2	Chuyên viên về lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, thống kê	1	1			1									1				
4.3	Chuyên viên về lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	1	1			1							1				1		
5	Lĩnh vực Xây dựng																		
5.1	Chuyên viên về lĩnh vực quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	1	1			1									1			1	
5.2	Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, công sở	1	1			1								1				1	
5.3	Chuyên viên về lĩnh vực giao thông.	1	1			1								1					



TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay							Số CBCC bố trí không phù hợp			
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cán bộ cấp tỉnh	Công chức cấp tỉnh	Cán bộ cấp Huyện	Công chức cấp Huyện	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	Về chuyên ngành đào tạo	Về kinh nghiệm công tác	Tổng số CBCC bố trí không phù hợp
6	Lĩnh vực Công Thương																		
6.1	Chuyên viên về lĩnh vực công thương	1	1		1									1					
7	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường																		
7.1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	1	1			1								1					
7.2	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	1	1			1								1					
7.3	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	4	4		2	2							1		3				
7.4	Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	1	1			1								1					
8	Lĩnh vực Nội vụ																		
8.1	Chuyên viên về lĩnh vực nội vụ	1	1			1									1				
8.2	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	1	1			1									1				
8.3	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo																		
9	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo																		
9.1	Chuyên viên về Giáo dục	1	1			1									1				

